TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2019/DS-ST
Ngày: 20/9/2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Nguyễn Yến Phương
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Văn Cảnh
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Phượng
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Như Thắm

Ngày 20 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 164/2019/TLST-DS, ngày 13 tháng 6 năm 2019 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 251/2019/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 174/2019/QĐST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T

Địa chỉ: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng C – Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T – Chi nhánh B

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Minh T – Trưởng phòng giao dịch G

Địa chỉ: 600 khu phố 2, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre

(Theo giấy ủy quyền ngày 26/6/2019)

- **Bị đơn**: Bà Phan Thị Kim L, sinh năm 1974
Ông Lâm Thành T1, sinh năm 1973

Cùng địa chỉ: 373 ấp P, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre

Ông T và ông T1 có mặt; bà L vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T là ông Nguyễn Minh T trình bày:

- Ngày 23/10/2017 bà Phan Thị Kim L và ông Lâm Thành T1 có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T – Chi nhánh B – Phòng giao dịch G Hợp đồng tín dụng số LD1729600233, số tiền vay 120.000.000 đồng, mục đích

sử dụng vốn vay: xây nhà, lãi suất: 12%/năm, thời gian vay: 5 năm, thời điểm trả hết nợ: 23/10/2022, phương thức trả: vốn và lãi trả hàng tháng theo dư nợ giảm dần.

Từ ngày 23/10/2017 đến 22/02/2019 bà Phan Thị Kim L và ông Lâm Thành T1 đã thanh toán được cho Ngân hàng 45.180.000 đồng, trong đó vốn là 30.000.000 đồng, lãi là 15.180.000 đồng. Từ ngày 23/02/2019, bà Phan Thị Kim L và ông Lâm Thành T1 không thực hiện thanh toán như trong hợp đồng dẫn đến khoản vay bị quá hạn. Ngày 27/7/2019, bà Phan Thị Kim L và ông Lâm Thành T1 có thanh toán cho Ngân hàng được 4.000.000 đồng tiền vốn gốc. Dư nợ hiện tại tính đến ngày 20/9/2019 là 92.655.653 đồng (tiền gốc là 86.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 5.767.770 đồng, lãi quá hạn là 887.883 đồng).

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là quyền sử dụng đất 73,1m^2 đất ở nông thôn thuộc thửa số 52, tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại ấp P, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO972106 (vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 01119) do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 01/10/2013 cho bà Phan Thị Kim L và ông Lâm Thành T1 (Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số LD1729600233 ngày 25/10/2017)

- Ngoài ra, theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 17/8/2016 của bà Phan Thị Kim L, Ngân hàng thương mại Cổ phần Sài Gòn T – Chi nhánh Bến Tre – Phòng giao dịch G có cấp cho bà Phan Thị Kim L thẻ tín dụng quốc tế JCB Motor Card, hạn mức được cấp: 15.000.000 đồng, mục đích vay: tiêu dùng, lãi suất: 1,92%/tháng, cấp thẻ theo điều kiện khách hàng có tài sản bảo đảm.

Từ ngày 05/02/2019, bà Phan Thị Kim L không thực hiện thanh toán hợp đồng dẫn đến thẻ tín dụng bị quá hạn nhóm 2. Dư nợ thẻ tín dụng hiện tại tính đến ngày 20/9/2019 là 10.172.952 đồng (vốn gốc là 9.227.072 đồng, lãi trong hạn là 630.587 đồng, lãi quá hạn là 315.293 đồng).

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Buộc bà Phan Thị Kim L và ông Lâm Thành T1 có trách nhiệm liên đới trả 01 lần cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T (do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T – Chi nhánh Bến Tre nhận thay) tổng số tiền tính đến ngày 20/9/2019 là 92.655.653 đồng (tiền gốc là 86.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 5.767.770 đồng, lãi quá hạn là 887.883 đồng) và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc từ ngày 21/9/2019 theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LD1729600233 ngày 23/10/2017 cho đến khi thanh toán hết nợ.

- Buộc bà Phan Thị Kim L phải trả 01 lần cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T (do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T – Chi nhánh B nhận thay) toàn bộ số tiền dư nợ thẻ tín dụng nêu trên tính đến ngày 20/9/2019 là 10.172.952 đồng (vốn gốc là 9.227.072 đồng, lãi trong hạn là 630.587 đồng, lãi quá hạn là 315.293 đồng) và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc từ ngày 21/9/2019 theo mức lãi suất thỏa thuận trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 17/8/2016 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trường hợp bà Phan Thị Kim L và ông Lâm Thành T1 không thực hiện

hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản khác gắn liền với đất số LD1729600233 ký ngày 25/10/2017, tài sản thế chấp là quyền sử dụng 73,1m^2 đất ở nông thôn thuộc thửa số 52, tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại ấp P, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO972106 (vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 01119) do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 01/10/2013 cho bà Phan Thị Kim L và ông Lâm Thành T1.

Theo bị đơn ông Lâm Thành T1 trình bày:

Vào năm 2017, ông cùng vợ là bà Phan Thị Kim L có ký hợp đồng vay với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T số tiền 120.000.000 đồng, thời hạn vay là 5 năm (từ 23/10/2017 đến 23/10/2022), bằng hình thức trả tiền vào ngày 23 hàng tháng với số tiền 2.000.000 đồng/tháng (tiền gốc) và lãi giảm dần; mục đích vay là để xây nhà. Sau khi nhận được tiền vay thì vợ chồng ông đã đóng được 15 tháng (23/11/2017 đến 23/01/2019). Sau đó, giữa ông và vợ có mâu thuẫn gia đình nên vợ ông bỏ nhà đi từ đó đến nay, ông phải nuôi đứa con nhỏ đang học lớp 6; trong khoảng thời gian đó ông bị tai nạn giao thông phải nằm ở nhà điều trị gần 2 tháng nên không lao động được, không có thu nhập để trang trải cuộc sống và thanh toán tiền cho Ngân hàng nên mới có việc chậm trễ như trên.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông liên đới cùng vợ là bà Phan Thị Kim L trả số tiền 92.655.653 đồng là quá nhiều nên ông không có khả năng để thanh toán. Do đó, ông yêu cầu cho ông được trả dần cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hai lần triệu tập hợp lệ bà Phan Thị Kim L đến để tiến hành hòa giải nhưng bà Phan Thị Kim L vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T; Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T khởi kiện yêu cầu bà Phan Thị Kim L và ông Lâm Thành T1 trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số LD1729600233 ngày 23/10/2017 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 17/8/2016. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*". Tuy nhiên, bà Phan Thị Kim L và ông Lâm Thành T1 không có đăng ký kinh doanh, mục đích vay tiền là để xây nhà và tiêu dùng nên đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T với bà Phan Thị Kim L và ông Lâm Thành T1 được các bên ký kết, thực hiện tại huyện G, tỉnh Bến Tre. Đồng thời, bà Phan Thị Kim L và ông Lâm Thành T1 có

địa chỉ tại ấp P, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre. Do đó, Tòa án nhân dân huyện G thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn bà Phan Thị Kim L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Phan Thị Kim L.

[2] Về nội dung:

Giữa bà Phan Thị Kim L, ông Lâm Thành T1 và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T – Chi nhánh B – Phòng giao dịch G có ký Hợp đồng tín dụng số LD1729600233 ngày 23/10/2017, theo đó: Ngân hàng cho bà Phan Thị Kim L, ông Lâm Thành T1 vay số tiền 120.000.000 đồng; lãi suất 12%/năm; thời hạn vay 5 năm; ngày đáo hạn 23/10/2022; mục đích vay: xây nhà. Ngoài ra, giữa bà Phan Thị Kim L với Ngân hàng thương mại Cổ phần Sài Gòn T – Chi nhánh B – Phòng giao dịch G còn ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 17/8/2016 theo đó Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T cấp cho bà Phan Thị Kim L thẻ tín dụng quốc tế JCB Motor Card, hạn mức được cấp: 15.000.000 đồng, mục đích vay: tiêu dùng, lãi suất: 1,92%/tháng, cấp thẻ theo điều kiện khách hàng có tài sản bảo đảm.

Đồng thời, giữa bà Phan Thị Kim L, ông Lâm Thành T1 và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T – Chi nhánh B – Phòng giao dịch G cũng ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số LD1729600233 ký ngày 25/10/2017 để đảm bảo cho các khoản vay trên, theo đó tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 52, tờ bản đồ số 7, diện tích 73,1m^2 tọa lạc tại ấp P, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO972106 (vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 01119) do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 01/10/2013 cho bà Phan Thị Kim L và ông Lâm Thành T1.

Nhận thấy, hợp đồng tín dụng, giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và hợp đồng thế chấp giữa các bên được ký kết trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật, đồng thời hợp đồng thế chấp được công chứng tại Ủy ban nhân dân xã C theo đúng quy định nên các hợp đồng này có hiệu lực pháp luật ràng buộc quyền và nghĩa vụ của các bên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Phan Thị Kim L và ông Lâm Thành T1 đã thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo lịch trả nợ gốc/lãi đã nêu trong hợp đồng tín dụng, đã vi phạm các điều khoản mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LD1729600233 ngày 23/10/2017 và giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 17/8/2016; Ngân hàng đã nhiều lần thông báo về việc nợ quá hạn và mời bà Phan Thị Kim L và ông Lâm Thành T1 làm việc nhưng ông bà vẫn không đến làm việc và không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng. Bên cạnh đó, các bên cũng đã ký kết hợp đồng thế chấp tài sản thỏa thuận khi bà Phan Thị Kim L và ông Lâm Thành T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Đối với khoản vay 120.000.000 đồng nhận thấy, khoản nợ này được bà L và ông T1 xác lập trong thời kỳ hôn nhân, cùng sử dụng vào mục đích xây nhà ở. Mặt khác, Hợp đồng tín dụng số LD1729600233 ngày 23/10/2017 do bà L và ông T1 cùng trực tiếp ký tên xác lập hợp đồng nên cần buộc ông T1 phải có trách nhiệm liên đới cùng bà L trả khoản nợ này cho Ngân hàng.

Từ những phân tích trên xét thấy, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T khởi kiện yêu cầu: bà Phan Thị Kim L và ông Lâm Thành T1 phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng tổng số nợ tính đến ngày 20/9/2019 là 92.655.653 đồng (tiền gốc là 86.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 5.767.770 đồng, lãi quá hạn là 887.883 đồng) và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc từ ngày 21/9/2019 theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LD1729600233 ngày 23/10/2017 cho đến khi thanh toán hết nợ; bà Phan Thị Kim L phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T toàn bộ số tiền dư nợ thẻ tín dụng tính đến ngày 20/9/2019 là 10.172.952 đồng (vốn gốc là 9.227.072 đồng, lãi trong hạn là 630.587 đồng, lãi quá hạn là 315.293 đồng) và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc từ ngày 21/9/2019 theo mức lãi suất thỏa thuận trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 17/8/2016 cho đến khi thanh toán hết nợ; đồng thời yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ khi bà Phan Thị Kim L và ông Lâm Thành T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T được chấp nhận nên bị đơn bà Phan Thị Kim L và ông Lâm Thành T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Cụ thể:

- Bà Phan Thị Kim L và ông Lâm Thành T1 phải liên đới chịu số tiền án phí là: 92.655.653 đồng x 5% = 4.632.782 đồng

- Bà Phan Thị Kim L phải chịu số tiền án phí là: 10.172.952 đồng x 5% = 508.647 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, các Điều 147, 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T đối với bà Phan Thị Kim L và ông Lâm Thành T1 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, cụ thể:

- Buộc bà Phan Thị Kim L và ông Lâm Thành T1 có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T (do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T – Chi nhánh B - Phòng giao dịch G nhận thay) tổng số tiền tính đến ngày 20/9/2019 là 92.655.653 (chín mươi hai triệu, sáu trăm năm mươi

lăm nghìn, sáu trăm năm mươi ba) đồng [tiền gốc là 86.000.000 (tám mươi sáu triệu) đồng, tiền lãi trong hạn là 5.767.770 (năm triệu, bảy trăm sáu mươi bảy nghìn, bảy trăm bảy mươi) đồng, lãi quá hạn là 887.883 (tám trăm tám mươi bảy nghìn, tám trăm tám mươi ba) đồng] và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc từ ngày 21/9/2019 theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LD1729600233 ngày 23/10/2017 cho đến khi thanh toán hết nợ.

- Buộc bà Phan Thị Kim L phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T (do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T – Chi nhánh Bến Tre - Phòng giao dịch G nhận thay) toàn bộ số tiền dư nợ thẻ tín dụng tính đến ngày 20/9/2019 là 10.172.952 đồng (vốn gốc là 9.227.072 đồng, lãi trong hạn là 630.587 đồng, lãi quá hạn là 315.293 đồng) và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc từ ngày 21/9/2019 theo mức lãi suất thỏa thuận trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 17/8/2016 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trường hợp bà Phan Thị Kim L và ông Lâm Thành T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số LD1729600233 ký ngày 25/10/2017, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 52, tờ bản đồ số 7, diện tích 73,1m^2 tọa lạc tại ấp P, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO972106 (vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 01119) do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 01/10/2013 cho bà Phan Thị Kim L và ông Lâm Thành T1.

2. Về án phí:

- Bà Phan Thị Kim L và ông Lâm Thành T1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.632.782 đồng

- Bà Phan Thị Kim L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 508.647 đồng

Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T (do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T – Chi nhánh Bến Tre - Phòng giao dịch G nhận thay) số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 2.340.500 đồng theo biên lai thu số 0004154 ngày 13/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đào Nguyễn Yến Phương